

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/8/2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Triệu Thanh Liêm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Trần Văn Phước**

Ông **Đặng Văn Chiêu**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thuý Ngoãn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Sơn Thị Bé T**, sinh ngày 15/02/1994; địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Sơn Thị Bé T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Minh N xây dựng hôn nhân năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đi đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2016 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/02/2016. Quá trình chung sống vợ

chồng chị T anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, chị T nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Chị Sơn Thị Bé T và anh Nguyễn Minh N có 01 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 25/10/2014, khi ly hôn chị T đồng ý giao con cho anh N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, do hiện tại cháu V vẫn do anh N nuôi. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mà chị T và anh N tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị Bé T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chị Sơn Thị Bé T và anh Nguyễn Minh N có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Sơn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 25/10/2014 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. giải quyết.

+ Về án phí: Chị Sơn Thị Bé T phải chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Sơn Thị Bé T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Minh N, anh N có địa chỉ tại huyện P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị Bé T và anh Nguyễn Minh N xây dựng hôn nhân năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của Chị T, anh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh N cả hai đều bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàn gắn lại hôn nhân, chị T xác định không còn tình cảm với anh N, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị Sơn Thị Bé T và anh Nguyễn Minh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 25/10/2014 chị T đồng ý giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị T và anh N tự thoả thuận cấp dưỡng nuôi con.

Theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có đến nơi cư trú của cháu V để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp được, nên không ghi nhận được nguyện vọng của của cháu muốn chung sống với ai khi chị T và anh N ly hôn như quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, việc xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Công V cho anh Nguyễn Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn chị Sơn Thị Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Sơn Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Sơn Thị Bé T, cho chị Sơn Thị Bé T ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 25/10/2014 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn chị Sơn Thị Bé T quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Sơn Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Sơn Thị Bé T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006918 ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Anh N không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thanh Liêm**